

Bản án số: 321/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 989/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Minh N tổ chức lễ cưới năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 18/5/2012 (Giấy đăng ký số 084, quyển số 01). Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông N không có trách nhiệm với gia đình. **Bà và ông N đã ly thân**

nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Bà và ông N có hai con chung tên Huỳnh Tú Như, sinh ngày 01/10/2010 và Đặng Thiên Hạo, sinh ngày 27/12/2019, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông N không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn ông Huỳnh Minh N vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Huỳnh Tú Như có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua T luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Đặng Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Minh N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Minh N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho ông N các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông N đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà T. Từ đó, cho thấy ông N cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà T và ông N trên thực tế đã không còn tồn tại từ năm 2019 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Bà T và ông N có hai con chung tên Huỳnh Tú Như, sinh ngày 01/10/2010 và Đặng Thiên Hạo, sinh ngày 27/12/2019. Xét thấy, hiện hai cháu đang sống với bà T, cuộc sống đã ổn định, **hơn nữa nguyện vọng của cháu Như là muốn sống với mẹ** nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014, giao hai cháu Như và Hạo cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phân cấp dưỡng nuôi con*: Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T xác định giữa bà và ông N không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T về việc "*Ly hôn*" với ông Huỳnh Minh N.

1. *Về hôn nhân*: Bà Đặng Thị Thu T được ly hôn với ông Huỳnh Minh N.

2. *Về nuôi con chung*: Bà Đặng Thị Thu T và ông Huỳnh Minh N có hai con chung tên Huỳnh Tú Như, sinh ngày 01/10/2010 và Đặng Thiên Hạo, sinh ngày 27/12/2019. Khi ly hôn, bà T được nuôi hai cháu Như và Hạo, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí*: Bà Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006396 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- THADS huyện Đức Hòa.
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Lin – Trương Thị Kim Tiến

Cao Thiên Trang